TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 356/2020/KDTM-PT

Ngày: 19/5/2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và dịch vụ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Biện Thị Hoa**

Các Thẩm phán: Bà **Lưu Thị Đoan Trang**

Bà **Phùng Thị Như Mai**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Tôn Mạnh Hùng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2019/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và dịch vụ.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 857/2019/KDTM-ST ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1608/2020/QĐXX-PT ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Kỹ thuật Công nghệ T.

Trụ sở: Đường số E, Khu phố I, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Ngọc T – Giám đốc.

Địa chỉ: Khu M, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Liên doanh C.

Trụ sở: 03 đường T, Phường Y, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hồ Vũ Q – Theo văn bản ủy quyền ngày 26/08/2019.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Hoàng S thuộc Công ty Luật TNHH H thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

(các đương sự và Luật sư có mặt tại phiên tòa)

Người kháng cáo: Bị đơn: Công ty Liên doanh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 10 năm 2012, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn có ông Đỗ Ngọc T trình bày:

- Ngày 12/5/2010, nguyên đơn ký hợp đồng số 04/2010/HĐKT với bị đơn về việc cung cấp và lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ cho Công trình Sài Gòn Mansion tại địa chỉ 03 Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị hợp đồng là 6.345.130.000 đồng. Thời hạn thực hiện hợp đồng là 04 tháng sau khi bị đơn thanh toán xong đợt 1 của hợp đồng và bàn giao mặt bằng cho nguyên đơn.

Đến ngày 29/10/2010, giữa hai bên ký tiếp phụ lục số 01 về việc cung cấp, lắp đặt hệ thống thông gió và hút khói hành lang trị giá 179.116.792 đồng. Thời hạn thực hiện là 60 ngày sau khi bị đơn thanh toán đợt 01 của phục lục hợp đồng này.

Đến ngày 11/5/2011, giữa hai bên ký tiếp phụ lục số 02 về việc tháo gỡ và di dời 48 bộ dàn lạnh từ tầng 04 đến tầng 15 trị giá 37.488.000 đồng nhưng giá trị quyết toán là 43.401.600 đồng. Thời hạn thực hiện là 10 ngày sau khi bị đơn thanh toán đợt 01 của phục lục hợp đồng này.

- Ngày 11/5/2011, giữa hai bên ký tiếp Hợp đồng số 04/2011/HĐKT về việc cung cấp, lắp đặt máy điều hòa nhiệt độ cho khu vực lối đi tầng trệt trị giá 62.608.320 đồng. Thời hạn thực hiện là 07 ngày sau khi bị đơn thanh toán đợt 01 của phụ lục hợp đồng này.

- Ngày 03/8/2011, nguyên đơn bán cho bị đơn 01 máy lạnh hiệu Daikin trị giá 13.050.000 đồng.

- Ngày 09/8/2011, giữa hai bên ký tiếp Hợp đồng số 08/2011/HĐKT về việc cung cấp, lắp đặt máy lạnh cho khu văn phòng 39 mét vuông trị giá 31.987.550 đồng.

- Ngày 01/11/2011, giữa hai bên ký biên bản đối chiếu công nợ. Và bị đơn xác nhận đã thanh toán như sau:

+ Hợp đồng số 04/2010/HĐKT là 5.076.104.000 đồng.
+ Phụ lục 01 của Hợp đồng số 04/2010/HĐKT là 89.558.396 đồng.
+ Phụ lục 02 của Hợp đồng số 04/2010/HĐKT là 31.000.000 đồng.
+ Hợp đồng số 04/2011/HĐKT là 75.009.920 đồng.
+ Máy lạnh hiệu Đaikin là 13.050.000 đồng.
+ Hợp đồng số 08/2011/HĐKT là 31.987.550 đồng.

Và bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 1.358.584.396 đồng.

- Từ ngày 01/11/2011 đến ngày 23/10/2012, bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng cộng là 700.000.000 đồng, chi tiết như sau:

+ Ngày 13/9/2011: 50.000.000 đồng.
+ Ngày 22/12/2011: 200.000.000 đồng.
+ Ngày 30/12/2011:100.000.000 đồng.
+ Ngày 20/1/2012:100.000.000 đồng.
+ Ngày 26/4/2012: 40.000.000 đồng.
+ Ngày 18/5/2012: 60.000.000 đồng.
+ Ngày 27/6/2012: 50.000.000 đồng.
+ Ngày 1/8/2012: 50.000.000 đồng.
+ Ngày 23/10/2012: 50.000.000 đồng.

Như vậy, hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn gồm:

- Nợ gốc là 658.584.396 đồng.
- Tiền lãi do chậm thanh toán (tạm tính từ ngày 24/10/2012 đến ngày 24/4/2019): 658.584.396 đồng x 10%/năm x 6,6 năm = 427.948.140 đồng.

Tổng cộng là 1.086.532.536 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn bà Nguyễn Thị O trình bày:

Căn cứ vào các hợp đồng đã ký, nguyên đơn phải thực hiện hợp đồng trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày 12/05/2010. Sau này, giữa hai bên có ký phụ lục hợp đồng ngày 01/09/2010 để gia hạn thời hạn thực hiện hợp đồng là 05 tháng. Như vậy, thời hạn thực hiện hợp đồng là 09 tháng, hạn chót hoàn thành hợp đồng là ngày 04/4/2011. Nhưng đến ngày 12/10/2011 thì nguyên đơn mới nghiệm thu hệ thống lạnh và đưa vào sử dụng.

Vì vậy nguyên đơn đã vi phạm thời hạn thực hiện hợp đồng. Và theo quy tại hợp đồng đã ký thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị đơn bằng 10% trị giá hợp đồng và được cấn trừ vào nghĩa vụ còn lại của bị đơn. Vì vậy bị đơn không còn nghĩa vụ thanh toán gì cho nguyên đơn nữa.

Trên đây là ý kiến của bị đơn và không phải là yêu cầu phản tố nên bị đơn không đồng ý thực hiện thủ tục phản tố theo yêu cầu của Tòa án.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn còn có khiếu nại về thẩm quyền giải quyết vụ án và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài thương mại theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hòa giải không thành do đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên toà sơ thẩm:

1. Nguyên đơn và Luật sư Đ yêu cầu bị đơn thanh toán:

- Nợ gốc: 658.584.396 đồng.

- Tiền lãi do chậm thanh toán (tạm tính từ ngày 24/10/2012 đến ngày 27/8/2019): 658.584.396 đồng x 0,83%/tháng x 82 tháng = 448.232.539 đồng.

Tổng cộng: 1.106.816.935 đồng. Thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phạt do vi phạm hợp đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn phản bác ý kiến của bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

- Việc nghiệm thu hệ thống lạnh bị chậm là do bị đơn chậm kết nối điện từ trạm biến thế vào hệ thống lạnh để vận hành nghiệm thu. Vì vậy, lỗi hoàn toàn thuộc về bị đơn.

- Nguyên đơn và bị đơn đã ký vào biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng vào ngày 12/10/2011. Tại biên bản này, bị đơn hoàn toàn không có ý kiến gì, được hiểu là nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ tại hợp đồng đã ký.

- Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền cho nguyên đơn nên nguyên đơn được quyền từ chối cung cấp chứng thư bảo lãnh của ngân hàng về bảo hành sản phẩm cho bị đơn.

2. Bị đơn thừa nhận có ký, thực hiện các hợp đồng kinh tế và có ký biên bản đối chiếu công nợ, biên bản nghiệm thu như nguyên đơn đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm. Hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 658.584.396 đồng. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền trên vì:

- Nguyên đơn đã thi công chậm tiến độ.

- Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì nguyên đơn phải có chứng thư bảo lãnh của ngân hàng về việc bảo hành sản phẩm thì mới được thanh toán hết tiền còn lại của hợp đồng.

Do nguyên đơn vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị đơn bằng 10% trị giá hợp đồng và được cấn trừ vào nghĩa vụ còn lại của bị đơn. Vì vậy bị đơn không còn nghĩa vụ thanh toán gì cho nguyên đơn nữa.

Ngoài ra, bị đơn có nộp bổ sung cho Tòa án 04 tài liệu liên quan đến việc lắp đặt điện kế và hợp đồng mua bán điện cho công trình.

Tại bản án số 857/2019/KDTM-ST ngày 12-9-2019 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Công nghệ T:

Buộc Công ty Liên doanh C trả cho Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Công nghệ T số tiền:

- Nợ gốc: 658.584.396 đồng.
- Tiền lãi do chậm thanh toán (tạm tính từ ngày 24/10/2012 đến ngày 27/8/2019): 448.232.539 đồng.

Tổng cộng: 1.106.816.935 đồng. Thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Kỹ thuật Công nghệ T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, trường hợp Công ty Liên doanh C chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Công ty Liên doanh C còn chịu tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Công nghệ T về việc buộc Công ty Liên doanh C thanh toán tiền phạt do vi phạm hợp đồng.

Ngày 30/9/2019, bị đơn Công ty Liên doanh C kháng cáo toàn bộ bản án số số 857/2019/KDTM-ST ngày 12-9-2019 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh với lý do: Không đồng ý toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 3. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên Toà phúc thẩm các đương sự trình bày:

Đại diện ủy quyền của Bị đơn trình bày: Nguyên đơn đã trễ hạn thi công 17 tháng so với quy định tại hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Căn cứ Điều 7 của hợp đồng quy định về mức phạt do thi công trễ thì nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn số tiền là 634.513.000 đồng tiền phạt do vi phạm hợp đồng, số tiền bị đơn còn thiếu coi như đã thực hiện nghĩa vụ phạt hợp đồng nên bị đơn không còn nợ nguyên đơn. Bị đơn yêu cầu Tòa án xác minh, mời công ty giám định để giám định thiệt hại do nguyên đơn thi công gây ra, mời công ty Điện lực là bên cung cấp điện cho công trình để làm rõ bị đơn đấu nối điện đúng theo hợp đồng chứ không phải bị đơn đấu nối điện trễ hạn. Ngoài việc thi công trễ, nguyên đơn còn lắp hệ thống máy lạnh không đúng quy chuẩn dẫn đến không thể làm lạnh cho tòa nhà, hệ thống tạo áp buồng thang lắp đặt không đúng kỹ thuật dẫn đến ảnh hưởng đến công trình. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi do chậm thanh toán là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra tại cấp sơ thẩm, bị đơn có đơn yêu cầu phản tố nhưng tòa án cấp sơ thẩm không ra thông báo đóng tiền tạm ứng án phí là vi phạm thủ tục tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã nhiều lần yêu cầu tòa án cấp sơ thẩm đưa công ty P là bên thứ 3 giám sát công trình vào tham gia tố tụng nhưng tòa án cấp sơ thẩm không đưa vào, dẫn đến việc giải quyết vụ án không khách quan và vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án một cách toàn diện và đầy đủ.

Đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trình bày: Các lý do bị đơn đưa ra chỉ nhằm kéo dài thời gian để không thanh toán công nợ cho nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Đơn kháng cáo của đương sự còn trong thời hạn luật định. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 3, TPHCM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

I- Về hình thức: Đơn kháng cáo của Công ty Liên doanh C nộp Tòa án còn trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào các hợp đồng mà các bên đã ký kết: Hợp đồng kinh tế số 04/2010/HĐKT ngày 12/5/2010; Phụ lục 1 Hợp đồng kinh tế số 04/2010/HĐKT ngày 29/10/2010; Phụ lục 2 Hợp đồng kinh tế số 04/2010/HĐKT ngày 11/5/2011; Hợp đồng kinh tế số 04/2011/HĐKT ngày 11/5/2011; Hợp đồng kinh tế số 08/2011/HĐKT ngày 09/8/2011; Căn cứ vào các Biên bản nghiệm thu công trình số 01/NTHMCT/NEWTECHCO-SAIGON MANSION ngày 13/6/2011; Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc xây lắp đưa vào sử dụng số 01-NTCV/DVSD/NT-MS và số 02-NTCV/DVSD/NT-MS cùng ngày 12/10/2011;

Các hợp đồng và biên bản nghiệm thu đều có chữ ký xác nhận của hai bên nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn không có ý kiến khác về việc bị đơn đã hoàn thành chậm tiến độ thi công.

Theo xác minh của Tòa án nhân dân Quận 3 tại công văn số 1116/TAQ3 ngày 22/12/2014, Công ty Điện lực Sài Gòn đã có công văn trả lời: Ngày 17/5/2010, Công ty Liên doanh C có Phiếu đề nghị lắp đặt mới, tăng cường công suất và di dời trạm biến thế, địa chỉ dự kiến lắp đặt trạm là số 3 Võ Văn Tần và thời điểm đóng điện trạm vận hành là 13/8/2011.

Căn cứ biên bản nghiệm thu số 01 và số 02-NTCV/DVSD/NT-MS ngày 12/10/2011 về việc: Nghiệm thu hoàn thành công việc xây lắp đưa vào sử dụng công trình Tòa nhà Sài Gòn Mansion, hạng mục: Hệ thống điều hòa không khí và thông gió tại số 03 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TPHCM, tại các biên bản này đều có kết luận: Chấp nhận nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

Đồng thời tại Bảng đối chiếu công nợ 01/ĐCCN/NEWTECHCO-SG MANSION ngày 01/11/2011, Công ty Liên doanh C đã ký xác nhận còn nợ Công ty Công nghệ T số tiền là 1.358.584.396 đồng và từ ngày 21/12/2011 đến ngày 22/10/2012 công ty Liên doanh C đã nhiều lần chuyển khoản trả nợ cho phía Công ty Công nghệ T số tiền là 700.000.000 đồng, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc còn là 658.584.396 đồng là có căn cứ.

[2] Việc Công ty Liên doanh C cho rằng Công ty Công nghệ T đã bàn giao công trình chậm tiến độ so với hợp đồng nên nguyên đơn phải bị phạt hợp đồng và số tiền bị đơn còn thiếu coi như đã thực hiện nghĩa vụ phạt hợp đồng nên bị đơn không còn nợ nguyên đơn: Xét thấy, như đã phân tích ở trên, các biên bản nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng được Công ty Liên doanh C ký xác nhận và không có ý kiến nào khác về việc cho rằng Công ty Công nghệ T đã vi phạm hợp đồng, bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận ý kiến của bị đơn là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo này của bị đơn là không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

[3] Đối với kháng cáo của bị đơn về tiền lãi chậm thanh toán: Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi 448.232.539 đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 15/01/2019 nguyên đơn đã có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tại biên bản hòa giải ngày 10/7/2019, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã ghi nhận và đưa ra hòa giải đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung này. Do đó, không có căn cứ cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Tòa án sơ thẩm đã nhận định và tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán là phù hợp với Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thời hạn tính

lãi đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng là kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Do đó cần điều chỉnh lại thời hạn tính lãi trong bản án sơ thẩm cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp thêm chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn và lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y bản án sơ thẩm.

III- Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Hoàn lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 202, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Y án sơ thẩm

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Công nghệ T:

Buộc Công ty Liên doanh C trả cho Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Công nghệ T số tiền:

- Nợ gốc: 658.584.396 đồng.

- Tiền lãi do chậm thanh toán (tạm tính từ ngày 24/10/2012 đến ngày 27/8/2019): 448.232.539 đồng.

Tổng cộng: 1.106.816.935 đồng. Thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Liên doanh C còn chịu tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất quy

định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Công nghệ T về việc buộc Công ty Liên doanh C thanh toán tiền phạt do vi phạm hợp đồng.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty Liên doanh C phải nộp án phí là 45.204.508 đồng.
- Hoàn lại cho Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Công nghệ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.646.460 đồng theo biên lai số 05464 ngày 09/11/2012 và 11.438.832 đồng theo biên lai số 0021749 ngày 18/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

4. Về án phí phúc thẩm: Công ty Liên doanh C phải chịu số tiền án phí là 2.000.000 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0014716 ngày 02/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3. Công ty Liên doanh C đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ (Hiền).

Biện Thị Hoa